

Bản tin chứng khoán

Trong số này

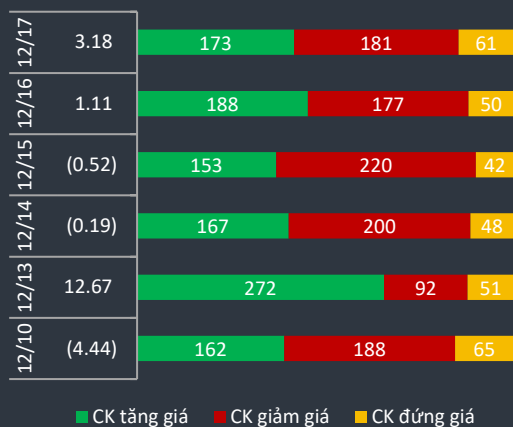
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Thị trường phiên cuối tuần có nhiều khởi sắc hơn hẳn các phiên trước khi dòng tiền nhập cuộc ngay từ đầu phiên và đẩy xanh chỉ số Vnindex. Càng về cuối phiên sức nóng thị trường càng gia tăng dần và đẩy thanh khoản vượt lên 34 ngàn tỷ riêng sàn HOSE. Dù cuối phiên có chút hạ nhiệt khi chỉ số Vnindex hạ mức tăng chỉ còn 3 điểm nhưng do sự biến động mạnh giao dịch ở phiên ATC.

Nhóm cổ phiếu VN30 nổi bật nhất ở bộ VIC, VHM, VRE cùng nằm trong nhóm tăng trưởng tốt nhất trong ngày trung bình 2.5%. PNJ, GVR, FPT, MWG cũng góp phần xanh nhẹ cuối phiên. Cổ phiếu bán lẻ hôm nay đều tăng tốt nhưng ấn tượng nhất lại đến từ FRT khi mã này tiếp tục tăng trần lên 81.5 cuối ngày.

Khi thanh khoản thị trường gia tăng lập tức nhóm cổ phiếu chứng khoán lại nổi sóng. Hàng loạt cổ phiếu chứng khoán đều tăng mạnh trong đó các mã lớn như HCM, CTS, APG, SHS tăng trên 5%. VCI, SSI, BVS, MBS cũng vượt trên 3%.

Ngược lại nhóm ngân hàng lại phân hóa mạnh khi CTG, MSB, ABB xanh nhẹ khoảng 1% trong khi VCB, PGB, LPB, VAB, STB lại mất điểm. Nhóm ngân hàng đã đi ngang trong cả tuần qua và hầu như không có cổ phiếu nào tạo sóng. Nhìn chung quý 4 năm nay dự báo NIM của nhiều ngân hàng sẽ hồi phục và tăng trưởng. Mục tiêu tín dụng 13% trong năm 2021 được hỗ trợ bởi việc nới room tín dụng cho các ngân hàng trong quý IV/2021. Nhiều ngân hàng gia tăng tỷ trọng trái phiếu doanh nghiệp như MBBank, Techcombank, TPBank, VPBank nhờ đó cải thiện được biên lãi ròng do lãi suất cao hơn so với cho vay trực tiếp.

Cổ phiếu xây dựng & vật liệu nổi lên là nhóm hút tiền mạnh mẽ và đóng góp khá lớn và đa dạng của thị trường. Loạt mã tăng điểm trong nhóm này có VCC (9.9%, VCG (6.9%), CII (6.3%, DPG (6.8%), VIT (9.8%), VGC (2.6%)

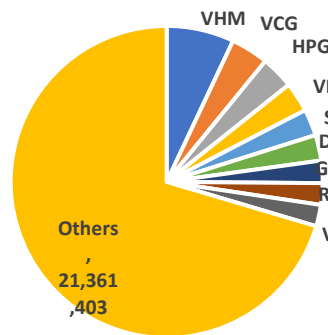
Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

DGC		89.95
DIG		89.71
VIC		76.57
CTG		62.03
DXG		61.95
VRE		61.43
ITA		57.39
CII	(87.69)	
NVL	(112.96)	
MSN	(139.46)	
HPG	(151.29)	
VCB	(171.81)	
VPB	(362.94)	

Vnindex 1,479.79
▲ +3.18 (+0.22%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
SSI	52.5	1,600	3.14
VHM	84.5	2,200	2.67
VRE	30.8	700	2.33
VIC	102.0	2,000	2.00
PNJ	95.5	1,800	1.92
CTG	33.0	450	1.38
GVR	38.3	400	1.06
FPT	96.4	900	0.94
BCM	67.9	600	0.89
MWG	134.5	900	0.67
ACB	33.2	200	0.61
REE	67.6	400	0.60
HVN	23.5	100	0.43
GAS	99.0	400	0.41
VPB	33.8	100	0.30
TPB	51.3	100	0.20
NVL	115.2	200	0.17
TCB	49.9	-	-
BID	44.9	-	-
MBB	28.2	(50)	(0.18)
VJC	122.5	(300)	(0.24)
VIB	43.9	(150)	(0.34)
POW	17.1	(100)	(0.58)
SAB	150.0	(1,000)	(0.66)
HDB	29.5	(200)	(0.67)
BVH	57.6	(400)	(0.69)
VNM	85.7	(900)	(1.04)
STB	28.3	(300)	(1.05)
PLX	54.3	(600)	(1.09)
MSN	157.5	(2,500)	(1.56)
HPG	46.7	(800)	(1.68)
PDR	95.5	(2,200)	(2.25)
VCB	96.5	(2,600)	(2.62)
DHG	123.6	(6,400)	(4.92)



Chỉ số Vnindex đóng cửa cuối tuần xanh nhẹ và tiến gần hơn về ngưỡng 1480. Dù không tăng mạnh trong tuần qua nhưng thanh khoản thị trường đã có sự hồi phục và gia tăng dần về mức cao như giai đoạn đầu tháng 11. Nhóm ngành Bất động sản và KCN vẫn là nhóm ngành dẫn đầu thị trường trong tuần qua với mức tăng trung bình hơn 5% trong đó có nhiều đại diện nổi bật như CEO, DIG, BCM, SCR, HQC, LDG. Một số nhóm ngành liên quan như xây dựng và bán lẻ cũng có mức tăng trưởng khá khoảng 3% như FRT, TTB, CII, MBG. Động lực chung của nhóm bất động sản vẫn còn khá mạnh nhưng định giá nhiều cổ phiếu đã không còn hấp dẫn vì vậy trong tuần sau tính phân hóa sẽ mạnh hơn. Thị trường có nhiều cơ hội tiếp cận lại mốc 1500 tuy nhiên nhà đầu tư vẫn ưu tiên chốt lãi nhiều hơn và giữ tỷ trọng danh mục ở mức an toàn.

Nhà đầu tư có thể gia tăng nắm giữ ở các nhịp điều chỉnh ở các nhóm cổ phiếu tăng trưởng như: OCB, STK, FRT, DCM, DPM, SSI, VCI, GVR, HPG, NKG, GEX, KBC.

Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TCB	49.9	(0.7)	50	75	Mua thêm quanh 48-50	11/24/2021	-9.3%
DPM	49.9	(1.2)	44	60	Mua quanh 47-48. Mục tiêu 60	11/23/2021	6.2%
DCM	37.9	0.7	32	45	Mua quanh 35-36. Mục tiêu 45	11/23/2021	5.3%
HSG	36.1	4.6	35	50	Mua thêm quanh 35-36.	11/23/2021	0.3%
PET	32.0	2.7	25	35	Mua vào quanh 28, mục tiêu 35	10/6/2021	14.3%
LCG	23.4	0.9	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	67.1%
DPR	75.9	(1.0)	57	95	Mua vào quanh 76-78, nắm giữ	9/21/2021	13.3%
GVR	38.3	2.0	28	47	Nắm giữ, mục tiêu 47	7/12/2021	30.3%
HCM	46.2	5.4	44	60	Nắm giữ	7/12/2021	35.9%
VCI	75.0	-	47	80	Nắm giữ, Mua thêm quanh 65	7/12/2021	53.1%
SSI	52.5	(0.9)	45	60	Nắm giữ	7/12/2021	59.1%
MBB	28.2	(0.5)	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 32	7/12/2021	-2.8%
OCB	26.8	(0.9)	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 24-25	7/12/2021	16.5%
HPG	46.7	0.4	44	65	Nắm giữ, mua thêm quanh 45-47	7/12/2021	3.8%
DGW	124.9	(3.2)	120	150	Nắm giữ. Mục tiêu 150	3/3/2021	149.8%
REE	73.0	(0.7)	50	80	Chốt lãi	7/12/2021	43.1%
IDC	87.0	(0.1)	45	85	Chốt lãi	9/21/2021	74.0%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

VPH	6.82
HID	6.85
DPG	6.86
LDG	6.86
TSC	6.86
SFG	6.88
LGL	6.91
TIP	6.92
FRT	6.96
TVS	6.97
LCM	6.98
OGC	6.99
PXT	10.94
HTT	12.50

Top tăng giá HNX

MBG	6.54
CEO	6.64
TAR	6.68
PVE	6.82
DC4	6.86
VCG	6.90
NHA	6.96
PSI	7.34
ASA	7.53
CTX	8.26
PV2	8.33
BLF	8.62
VHL	8.95
L62	9.46
VC7	9.61
KSQ	9.64
VCC	9.68
PTI	9.81
NRC	9.82
VC3	9.85
VIT	9.87
DC2	9.93
LDP	9.97
KTT	10.00
L43	10.00

TNG - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG - Tính riêng tháng 11, doanh thu thuần của TNG đạt 434 tỷ đồng, tăng 37% so với tháng 11 năm trước. Khấu trừ giá vốn, Công ty báo lãi gộp đạt gần 70 tỷ đồng, tăng 68%. Biên lãi gộp cũng cải thiện từ 13% lên 16%. Kết quả, TNG ghi nhận lợi nhuận sau thuế tháng 11 đạt 20,7 tỷ đồng, tăng mạnh so với khoản lãi 7,9 tỷ đồng cùng kỳ năm trước.

KPF - CTCP Đầu tư Tài chính Hoàng Minh - Ngày 24/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 25/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 20:1 (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu), tương đương KPF sẽ phát hành thêm hơn 2,89 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

VCB - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Vietcombank - Ngày 22/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2019 và còn lại của năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 23/12.

Theo đó, cổ tức 2020 trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12%, thanh toán bắt đầu từ ngày 05/1/2022 và cổ tức 2019 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 1.000 : 276 (cổ đông sở hữu 1.000 cổ phiếu được nhận 276 cổ phiếu mới), tương ứng VCB sẽ phát hành thêm hơn 1,02 tỷ cổ phiếu mới trong đợt này.

PTC - CTCP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện - Thông báo, đăng ký bán 1,7 triệu cổ phiếu quỹ từ ngày 27/12 đến 25/1/2021 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh.

FDC - CTCP Fideco – Đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH MTV SX Bách Kim, với giá 26 tỷ đồng.

AGG - CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia - Đã thông qua việc phát hành 300 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ, kỳ hạn 12 tháng.

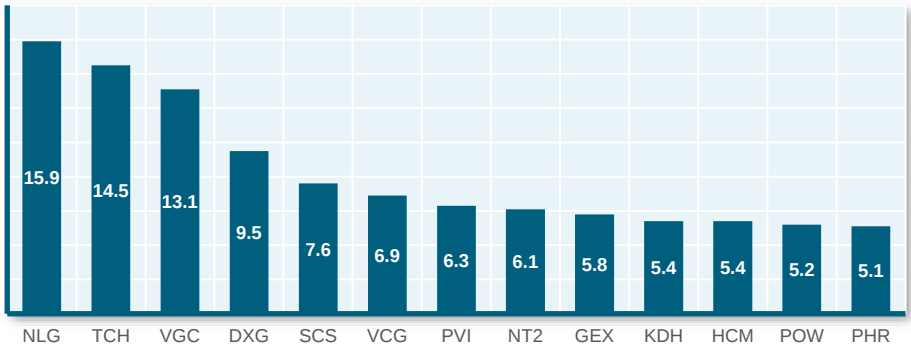
PTL - CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí - Thay vì sẽ hủy niêm yết tự nguyện theo kế hoạch đã đưa ra trước đó, Petroland lại không muốn rời sàn. Thay vào đó, đơn vị lại lên chiến lược nâng vốn hóa lên 10,000 tỷ đồng trong khi giá trị hiện tại chỉ đạt hơn 1,550 tỷ.

LGL - Đã thông qua việc chuyển nhượng 1,02 triệu cổ phần sở hữu tại CTCP Đầu tư Bất động sản – May theo Việt Hưng, tương ứng 51%/vốn của Việt Hưng.

DCM - CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau - DCM dự kiến lãi trước thuế và lãi sau thuế hợp nhất có thể đạt 544 tỷ đồng và 513 tỷ đồng. Tỷ lệ chia cổ tức ở mức 5%, bằng với 2021. Năm 2022, đơn vị này dự kiến chi 930 tỷ đồng đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản, trang thiết bị. Nguồn vốn đầu tư lấy từ vốn chủ sở hữu, vốn vay và khác.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	33.8	27,609,900	6.7	1.4	-	10,701,000	150,257	17.78	5,056	24,447
VIB	HOSE	43.9	1,372,500	7.8	3.2	3,000	4,400	68,105	20.48	5,638	13,552
VCB	UPCOM	96.5	3,475,700	17.4	3.4	1,216,700	2,996,400	357,907	23.63	5,532	28,293
VBB	HNX	18.0	74,817	21.7	1.6	-	-	8,598	-	830	11,579
VAB	HOSE	17.4	739,744	14.5	1.3	-	-	7,742	0.01	1,196	13,597
TPB	HOSE	51.3	4,365,800	11.2	2.7	170,600	11,100	60,107	29.46	4,565	18,925
TCB	HOSE	49.9	7,903,900	10.8	2.1	2,832,400	2,832,400	175,019	22.47	4,614	23,938
STB	UPCOM	28.3	9,269,300	14.7	1.7	107,500	1,247,300	53,352	17.47	1,922	16,846
SSB	HOSE	39.4	2,246,000	22.9	3.2	-	16,600	58,179	0.02	1,723	12,310
SHB	HOSE	22.2	11,440,100	10.2	1.6	60,600	1,000	47,246	3.23	2,183	14,014
SGB	HNX	18.2	289,749	-	1.5	-	-	5,606	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	33.0	173,280	44.7	2.4	-	1,000	9,900	15.00	739	13,529
OCB	HNX	26.8	2,553,200	7.1	1.5	13,200	41,300	36,713	21.94	3,799	17,827
NVB	HOSE	28.6	384,125	139.5	2.7	-	-	11,635	8.33	205	10,726
NAB	HOSE	19.7	249,839	5.9	1.2	-	-	10,115	0.03	3,367	16,324
MSB	HOSE	26.2	6,534,700	8.0	1.5	-	600	39,944	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	28.2	7,073,400	7.2	1.4	68,000	71,600	106,549	23.23	3,897	19,986
LPB	HOSE	21.8	7,707,100	8.4	1.5	44,100	-	26,238	3.97	2,591	14,466
KLB	HOSE	23.5	135,938	11.5	1.7	-	-	8,495	0.01	2,035	14,117
HDB	HOSE	29.5	5,496,100	7.7	1.7	1,003,800	2,603,800	58,770	16.97	3,854	17,399
EIB	HOSE	26.0	857,800	29.7	1.8	3,100	1,200	31,965	29.62	874	14,061
CTG	HOSE	33.0	8,037,200	7.5	1.3	3,043,400	1,145,200	158,349	25.31	4,394	25,028
BVB	HOSE	22.9	2,246,354	19.8	1.8	-	113	8,406	0.07	1,157	12,737
BID	HOSE	44.9	1,851,700	17.9	2.1	78,600	605,800	180,589	16.72	2,512	21,036
BAB	HOSE	22.4	31,114	23.6	1.8	-	-	16,870	-	950	12,242
ACB	HOSE	33.2	2,403,500	7.2	2.2	-	-	89,705	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	20.9	1,793,895	7.5	1.3	-	-	11,940	30.00	2,801	16,671
			116,316,755	18.88	1.91	8,645,000	22,280,813	1,798,301		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	DHP	HNX	5/1/2022	6/1/2022	21/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	EAD	UPCoM	4/1/2022	5/1/2022	24/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	PAI	UPCoM	30/12/2021	31/12/2021	25/01/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	HMH	HNX	29/12/2021	30/12/2021	14/01/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	NTH	HNX	29/12/2021	30/12/2021	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 3/2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	MH3	UPCoM	28/12/2021	29/12/2021	20/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	ECI	HNX	27/12/2021	28/12/2021	28/02/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	KPF	HOSE	24/12/2021	27/12/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
9	NVL	HOSE	24/12/2021	27/12/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:31	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
10	PHN	HNX	23/12/2021	24/12/2021	10/1/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	CMD	UPCoM	23/12/2021	24/12/2021	12/1/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	ACL	HOSE	23/12/2021	24/12/2021	5/1/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	BID	HOSE	23/12/2021	24/12/2021	24/01/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	BID	HOSE	23/12/2021	24/12/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25.77119312	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
15	TLD	HOSE	23/12/2021	24/12/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:7	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
16	VCB	HOSE	22/12/2021	23/12/2021	5/1/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	VCB	HOSE	22/12/2021	23/12/2021		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:276	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	VHC	HOSE	21/12/2021	22/12/2021	31/12/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	SDN	HNX	21/12/2021	22/12/2021	7/1/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	HDG	HOSE	21/12/2021	22/12/2021		Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
21	S4A	HOSE	21/12/2021	22/12/2021	12/1/2022	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	VLC	UPCoM	20/12/2021	21/12/2021	30/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	TPB	HOSE	20/12/2021	21/12/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:35	Thưởng cổ phiếu
24	OPC	HOSE	20/12/2021	21/12/2021	28/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	VPG	HOSE	20/12/2021	21/12/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 18,000 đồng/CP	Phát hành thêm
26	PAS	UPCoM	17/12/2021	20/12/2021	31/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	DTP	UPCoM	17/12/2021	20/12/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:33.3333, giá 11,000 đồng/CP	Phát hành thêm
28	VCI	HOSE	17/12/2021	20/12/2021	29/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Tổng hợp kết quả kinh doanh Q3.2021

Ngành	Số DN	DT 9T.2020	DT 9T.2021	%	LN 9T.2020	LN 9T.2021	%
Ngân hàng	27	198,839.82	258,217.79	29.9%	75,681.66	109,596.51	44.8%
Bất động sản	79	184,251.23	231,588.94	25.7%	29,047.18	43,326.16	49.2%
Dịch vụ tài chính	39	18,811.40	34,391.88	82.8%	4,065.13	12,078.97	197.1%
Dầu khí	22	272,421.96	332,746.37	22.1%	2,927.65	14,305.20	388.6%
Thực phẩm và đồ uống	75	235,815.68	251,010.55	6.4%	20,759.15	21,700.93	4.5%
Sản xuất và KD Thép	26	170,680.56	253,124.22	48.3%	9,969.25	35,433.69	255.4%
Bất động sản KCN	21	34,477.69	41,022.64	19.0%	5,523.15	7,474.69	35.3%
Điện	43	113,909.05	93,270.96	-18.1%	6,746.48	10,271.53	52.3%
Vận tải - Logistics	73	69,641.33	84,393.96	21.2%	4,567.27	7,087.62	55.2%
Công nghệ Thông tin	19	27,754.20	31,441.29	13.3%	2,746.08	3,226.76	17.5%
Vật liệu xây dựng	41	39,182.16	41,188.56	5.1%	3,360.53	3,735.53	11.2%
Bảo hiểm	12	44,114.42	47,818.64	8.4%	3,138.99	3,967.79	26.4%
Phân bón	13	26,744.35	36,070.62	34.9%	25.91	2,392.16	9132.5%
Xây dựng	113	113,332.43	122,912.58	8.5%	6,146.17	5,131.11	-16.5%
Y tế	35	38,315.15	35,467.99	-7.4%	2,125.84	2,229.91	4.9%
Hóa chất	24	32,936.63	47,082.16	42.9%	1,767.42	2,580.47	46.0%
Nước	48	16,177.90	16,359.90	1.1%	2,097.46	2,345.69	11.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	30	35,690.97	36,240.25	1.5%	1,933.16	1,910.13	-1.2%
Dệt May	21	40,979.66	42,409.79	3.5%	1,183.75	2,031.11	71.6%
Thủy sản	23	41,516.25	44,539.74	7.3%	1,929.57	2,157.15	11.8%
Khoáng sản	30	46,601.30	56,333.45	20.9%	762.00	1,065.63	39.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	59,365.08	67,950.53	14.5%	7,089.88	8,602.05	21.3%
Tài nguyên Cơ bản	19	17,407.79	21,540.43	23.7%	473.80	1,298.03	174.0%
Bán lẻ	23	135,505.76	150,335.61	10.9%	3,311.69	4,719.81	42.5%
Cao su	13	2,861.45	3,884.68	35.8%	314.82	730.75	132.1%
Truyền thông	28	5,963.07	6,134.91	2.9%	439.38	609.73	38.8%
Ô tô và phụ tùng	11	27,097.78	25,469.26	-6.0%	644.48	538.95	-16.4%
Bao bì	16	14,803.44	20,276.07	37.0%	576.74	271.83	-52.9%
Xây dựng và Vật liệu	59	22,218.41	21,591.16	-2.8%	1.88	223.43	11763.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	5,102.99	5,239.13	2.7%	48.41	83.41	72.3%
Viễn thông	5	25,840.95	25,954.55	0.4%	2,844.94	1,313.18	-53.8%
Du lịch và Giải trí	28	12,473.61	10,452.49	-16.2%	(16.79)	(222.92)	
Tổng Cộng	1090	2,130,834.48	2,496,461.13	17.2%	202,233.03	312,217.00	54.4%



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931